

Số: 489/2026/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ**  
**SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

\*\*\*

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 396 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 408/2026/TLST-VHNGĐ ngày 16/03/2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Người yêu cầu: Chị **Lê Thị Thu H**, sinh năm: 2003; CCCD: 079303031719; Địa chỉ: 3 V, Khu phố C, Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người yêu cầu: Anh **Phạm Văn T**, sinh năm: 2000; CCCD: 079200002404; Địa chỉ: A ấp D, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Việc các đương sự thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn được thể hiện tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19 tháng 03 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19 tháng 03 năm 2026, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thu H và anh Phạm Văn T thuận tình ly hôn với nhau.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Thu H và anh Phạm Văn T chấm dứt cũng như giấy chứng nhận kết hôn 179/2022 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận T, Thành phố

Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/9/2022 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

1.2 Về con chung: Chị Lê Thị Thu H và anh Phạm Văn T xác nhận chung sống có một con chung tên Phạm Gia K, sinh ngày 20/02/2021, hiện cháu Phạm Gia K đang do chị Lê Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Lê Thị Thu H và anh Phạm Văn T cùng thỏa thuận thống nhất giao con chung tên Phạm Gia K, sinh ngày 20/02/2021 cho chị Lê Thị Thu H tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị Lê Thị Thu H và anh Phạm Văn T cùng xác định tự thỏa thuận mức cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Phạm Văn T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3 Về tài sản chung: Chị Lê Thị Thu H và anh Phạm Văn T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung và các vấn đề khác: Chị Lê Thị Thu H và anh Phạm Văn T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.5 Về lệ phí: Chị Lê Thị Thu H và anh Phạm Văn T chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị H, anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013391 ngày 03/03/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Chị H, anh T đã nộp đầy đủ lệ phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND TP . HCM (1);
- VKSND KV10-TP . HCM (2);
- THADS TP . HCM (1);
- UBND P. Bảy Hiền, TP . HCM (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ, VP (2).

**THẨM PHÁN**

**Trần Thị Hồng Cẩm**